

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56 /2016/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông,
giai đoạn 2016 – 2020**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 6521/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Vp: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH.

CHỦ TỊCH**Lê Diễn**



CHƯƠNG TRÌNH

Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **56**/2016/NQ-HĐND ngày **22**/12/2016 của HĐND tỉnh)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Sự cần thiết xây dựng Chương trình

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác giảm nghèo được nâng lên; nhiều hộ nghèo tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững. Sự chung tay, hỗ trợ, sẻ chia của cộng đồng đã tác động tích cực đến công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo; cơ sở hạ tầng của các huyện, xã, thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao được tăng cường; người nghèo đã từng bước tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 đạt mục tiêu Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II đề ra.

Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020, đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn tỉnh vẫn còn ở mức cao (19,26%); kết quả giảm nghèo hàng năm chưa thực sự bền vững, tình trạng tái nghèo và nghèo mới phát sinh còn cao; chênh lệch tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo giữa các khu vực còn khá lớn (khu vực thành thị 4,74%, khu vực nông thôn 95,14%); đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là về nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, thông tin...; kết cấu hạ tầng ở một số vùng, địa phương còn yếu kém, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Mặt khác, trong điều kiện áp dụng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 đã xuất hiện nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo mới, tuy không nghèo về thu nhập nhưng nghèo vì thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Vì vậy đòi hỏi cần phải có những giải pháp giảm nghèo mới, phù hợp và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn ở mức khá cao, chiếm 54,40%, (gấp 2,5 lần so với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh); người nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở vùng sâu, vùng xa khó tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản cũng như các chính sách hỗ trợ sinh kế cho người nghèo. Tình trạng “mùng được vay, lo lãi suất” là một nguyên nhân khiến nhiều hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn thờ ơ với nguồn vốn vay để sản xuất, cải thiện nhà ở, công trình nước sạch và vệ sinh..., từ đó gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống xã hội các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, dẫn đến khả năng nghèo mới, tái nghèo là rất cao. Từ thực trạng đó, yêu cầu đặt ra cần phải có những chính sách đặc thù riêng cho những hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, nhằm tạo điều kiện cho các hộ đồng bào phát triển sản xuất, tăng thu nhập và có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, từng bước vươn lên thoát nghèo một cách bền vững.

II. Căn cứ xây dựng Chương trình

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHIỀM GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xác định công tác giảm nghèo là một trong những chương trình mục tiêu được ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, điều hành, ban hành các chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động cụ thể, thiết thực cho công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 – 2015, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đã đạt được những kết quả như sau:

I. Kết quả về giảm tỷ lệ hộ nghèo

- Áp dụng chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015. Trong 5 năm thực hiện chương trình giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 29,25% năm 2010 xuống còn 11,46% năm 2015. Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 53,02% (năm 2010) xuống còn 26,77% (năm 2015). Bình quân tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh mỗi năm giảm trên 3%, đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết đề ra, cụ thể:

+ Năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo chiếm 29,25%, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 53,02%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 65,11%.

+ Năm 2012 tỷ lệ hộ nghèo chiếm 26,80%, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,34%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 63,41%.

+ Năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo chiếm 23,25%, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 42,4%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 58,96%.

+ Năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo chiếm 15,64%, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 33,10%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 46,01%.

+ Năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 11,46%, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 26,77% và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 39,18%. Bình quân hàng năm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh giảm 3,56%, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II.

- Kết quả Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới theo hướng tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, hiện nay tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh chiếm 19,26%, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 40,76% và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 54,40%.

II. Kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo

- Tổng kinh phí đã bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015 là 1.458,354 tỷ đồng, đạt 74,5% so với kế hoạch, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 1.096,321 tỷ đồng, đạt 68% so kế hoạch;

+ Nguồn ngân sách địa phương: 146,23 tỷ đồng, đạt 79,7% so kế hoạch.

+ Nguồn vốn huy động cộng đồng (bao gồm hỗ trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng và người dân): 215,803 tỷ đồng, đạt 117% so kế hoạch.

- Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng áp dụng cơ chế theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP để thực hiện cho huyện Đắk Glong là 96,088 tỷ đồng, ngân sách Trung ương hỗ trợ 100%.

- Nguồn kinh phí thuộc các dự án, đề án, vốn tín dụng: 583 tỷ đồng.

III. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015

1. Về mặt đạt được

Nhìn chung, các chính sách về giảm nghèo được triển khai đồng bộ và kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành; chương trình giảm nghèo đã thực sự đi vào cuộc sống và huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, sự tham gia của các tầng lớp dân cư và của chính người nghèo, từ đó đã đạt được cơ bản các chỉ tiêu đặt ra: cơ sở hạ tầng các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn được đầu tư, nâng cấp; hộ nghèo đã được hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; việc tiếp cận các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, nước sạch,... ngày càng tốt hơn; đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, mức thu nhập bình quân nhóm hộ nghèo tăng khoảng 2,15 lần; tỷ lệ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân 3,56%/năm, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân 5,25%/năm, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm bình quân 5,19%/năm.

* Nguyên nhân đạt được:

- Trong những năm qua, các chính sách về giảm nghèo của Trung ương đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thông qua các Chương trình, Nghị quyết, các kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đã được triển khai đồng bộ, kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành và nhận được sự tham gia rộng rãi của cộng đồng.

- Người nghèo đã nhận thức rõ hơn trách nhiệm của chính bản thân mình và chủ động trong việc tiếp nhận các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng để tự vươn lên thoát nghèo, tích cực phát triển sản xuất và trở nên khá giả; giảm tình trạng tái nghèo.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Chất lượng giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao do nhiều nguyên nhân và rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường..., chủ yếu tập trung ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn 2011 - 2015 chuẩn nghèo chỉ tiếp cận theo đơn chiều (chiều thu nhập) nên một bộ phận hộ nghèo tuy đã thoát nghèo nhưng vẫn bị thiếu hụt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Mặc dù đã tập trung ưu tiên nhiều nguồn lực cho các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhiều chính sách ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số tại chỗ, từ đó tỷ lệ hộ nghèo ở các vùng này đã giảm xuống nhưng đến cuối năm 2015 vẫn còn 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%; 25 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 20%; 43 xã có tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số tại chỗ trên 20%.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và không ít người dân chưa có nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của giảm nghèo, dẫn đến người nghèo, xã nghèo vẫn còn tình trạng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

*** Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:**

- Trình độ, năng lực và phương thức tổ chức sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn hạn chế, nên khả năng tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn khó khăn, dẫn đến năng suất, hiệu quả lao động chưa cao, thu nhập thấp.

- Dân di cư tự do luôn gia tăng, chưa được bố trí vào vùng quy hoạch, chủ yếu là tự phát; việc quản lý hộ nghèo, giải quyết việc làm và đầu tư thực hiện chính sách hỗ trợ đối với vùng di cư tự do gặp khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Có rất nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau, nhưng khi triển khai còn thiếu sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành dẫn đến manh mún, dàn trải, phân tán nguồn lực; các chính sách đa phần mang tính hỗ trợ về an sinh xã hội, còn ít các chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo và các chính sách giảm nghèo đặc thù,

phù hợp với vùng nông thôn, các vùng dân tộc thiểu số; nhiều chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo và không có điều kiện kèm theo dẫn đến tính ỷ lại, trông chờ vào chính sách Nhà nước.

- Nguồn kinh phí của Trung ương phân bổ hàng năm cho một số chính sách giảm nghèo còn chậm và thiếu so với nhu cầu thực tế; ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn nên kinh phí bố trí cho chương trình giảm nghèo còn ít, chưa đảm bảo theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra; việc lồng ghép từ các chương trình, chính sách khác trên địa bàn chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

Phần thứ ba

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi thực hiện

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; bảo đảm thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới; tiếp tục tạo cơ hội, điều kiện để người nghèo vươn lên phát triển kinh tế, tăng thu nhập và tiếp cận trực tiếp các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin). Tăng cường đầu tư và nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các dân tộc và các nhóm dân cư. Khuyến khích thoát nghèo bền vững, phấn đấu đến năm 2020, đưa Đắk Nông thoát khỏi tình trạng của một tỉnh nghèo.

b) Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu hàng năm giảm 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên (*theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*).

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ các điều kiện để cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.